Mẫu số 01

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

Đối tượng: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Dược học ; Chuyên ngành: Tổ chức Quản lý Dược

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Thu Thủy

2. Ngày tháng năm sinh: 11/06/1982; Nam ☐; Nữ ☑; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán: xã Phủ Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú**: 214/28 Bùi Đình Túy, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

6. **Địa chỉ liên hệ:** 41-43 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

Điện thoại di động: 0902 82 50 82; E–mail: nguyenthuthuy@ump.edu.vn

7. **Quá trình công tác** (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 06/2012 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Quản lý dược, Khoa Dược, Đại học Y dược TP HCM

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giáo vụ bộ môn, Chi ủy viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Dược – Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh – Bộ Y tế

Địa chỉ cơ quan: 41-43 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM

Điện thoại cơ quan: (84 - 8) 38295641, 39100293;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu: chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có) : Không có

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 21 tháng 06 năm 2007, ngành: Dược học

Nơi cấp bằng ĐH: Học viện Y khoa Matxcova mang tên I.M.Sechenov, Liên bang Nga

– Được cấp bằng ThS ngày 21 tháng 06 năm 2007, ngành: Dược học

Nơi cấp bằng ThS: Học viện Y khoa Matxcova mang tên I.M.Sechenov, Liên bang Nga

– Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 06 năm 2012, ngành: Dược học, chuyên ngành: Tổ chức quản lý dược và dược lâm sàng

Nơi cấp bằng TS: Đại học tổng hợp Y khoa Quốc gia Matxcova thứ nhất mang tên I.M.Sechenov, Liên bang Nga

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Dược học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu kinh tế dược (phân tích chi phí – hiệu quả; phân tích tác động lên ngân sách; phân tích chất lượng sống của người bệnh; phân tích ngưỡng chi trả của người bệnh; phân tích chi phí điều trị, gánh nặng kinh tế của bệnh, chi phí bệnh tật);

- Nghiên cứu quản trị dược (nghiên cứu tối ưu trong cung ứng thuốc, thực trạng cung ứng thuốc, quản trị tồn kho, nghiên cứu dự báo);

- Nghiên cứu dược xã hội và dược cộng đồng (nghiên cứu kiến thức- thái độ - hành vi của người dân, nghiên cứu kỹ năng thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu thói quen sử dụng thuốc của người bệnh, nghiên cứu vai trò của dược sỹ trong cộng đồng).

- Nghiên cứu marketing dược (đánh giá sức mạnh thương hiệu, xây dựng chiến lược marketing, các yếu tố ảnh hưởng đến thương hiệu, thói quen của người tiêu dùng, các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn của khách hàng);

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hướng dẫn 07 HV chuyên khoa II bảo vệ thành công luận án chuyên khoa II;

- Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH cấp cơ sở;

- Đã công bố 78 bài báo KH, trong đó 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản: 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất (sách hoặc đề tài NCKH hoặc bài báo KH). Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN (nếu có); với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí đăng, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ thuộc loại nào: SCI, SCIE, ISI, Scopus (đối với KHTN–CN); SSCI, A&HCI, ISI, Scopus (đối với KHXH–NV), chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số H của ứng viên.

Công trình 1: Nghiên cứu đánh giá tính chi phí – hiệu quả của ticagrelor so với clopidogrel trong điều trị hội chứng vành cấp tại Việt Nam

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu đánh giá tính chi phí – hiệu quả của ticagrelor so với clopidogrel trong điều trị hội chứng vành cấp dựa trên các dữ liệu tại Việt Nam. Nghiên cứu thực hiện lần đầu tiên tại Viện tim Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó tiến hành đa trung tâm trên phạm vi toàn quốc bao gồm các cơ sở lâm sàng ở miền Bắc (Viện Tim mạch quốc gia, Viện Tim Hà Nội) và miền Nam (bệnh viện Chợ Rẫy, bệnh viện Đại học Y dược TP HCM). Nghiên cứu đã cập nhật và hiệu chỉnh mô hình của quốc tế với dữ liệu tại Việt Nam. Đây là nghiên cứu kinh tế dược quy mô lớn đầu tiên tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu là cơ sở lựa chọn thuốc trong thực hành lâm sàng và xem xét thuốc trong danh mục chi trả cơ quan bảo hiểm y tế cũng như đưa ra các chính sách y tế phù hợp. Kết quả nghiên cứu đã được sử dụng để xem xét tính khả thi của việc lựa chọn ticagrelor vào danh mục thuốc tân dược được bảo hiểm y tế thanh toán trong quá trình rà soát Thông tư 40/2014/TT-BYT năm 2017. Kết quả nghiên cứu được công bố tại Hội nghị Khoa học kỹ thuật lần thứ 34 (2016), tại Hội nghị Tim mạch toàn quốc vào tháng 11/2017 và đã được công bố trong các tạp chí sau:

1. Đỗ Văn Dũng, **Nguyễn Thị Thu Thủy**, Phạm Mạnh Hùng, Hoàng Văn Sỹ. Phân tích chi phí – hiệu quả lâu dài của ticagrelor so với clopidogrel trong điều trị hội chứng mạch vành cấp: kết quả sơ bộ từ nghiên cứu PLATO và dữ liệu tại Việt Nam. Tạp chí Y học Việt Nam. Tập 459, số 1, 211-215
2. **Nguyễn Thị Thu Thủy**, Thân Thị Thu Vân, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Phan Thị Thanh Ngân. Phân tích chi phí – hiệu quả của ticagrelor so với clopidogrel trong điều trị hội chứng mạch vành cấp: Nghiên cứu theo quan điểm bảo hiểm y tế Việt Nam. Tạp chí Y học TP HCM, chuyên đề Dược. 2017, Phụ bản tập 21, Số 1, 313 – 320.

Công trình 2: Nghiên cứu gánh nặng kinh tế ung thư vú tại Liên bang Nga và Việt Nam

Nghiên cứu được thực hiện năm 2009-2010 tại Liên bang Nga và năm 2013-2014 tại Việt Nam với mục tiêu phân tích giá trị và cấu trúc chi phí điều trị các giai đoạn bệnh từ đó đánh giá gánh nặng kinh tế của ung thư vú tại Nga và Việt Nam. Đây là nghiên cứu đầu tiên tại Nga và Việt Nam đưa ra bức tranh toàn cảnh về gánh nặng kinh tế của ung thư vú trên toàn dân số mắc bệnh từ giá trị đến cấu trúc. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất các chính sách y tế phù hợp nhằm giảm gánh nặng kinh tế cho người bệnh bao gồm đẩy mạnh tầm soát ung thư vú và phát hiện bệnh ở giai đoạn sớm đồng thời có chính sách về giá thuốc hợp lý. Đây cũng là nghiên cứu bản lề cho các nghiên cứu đánh giá công nghệ y tế trong điều trị ung thư vú trong tương lai tại Nga và Việt Nam. Kết quả nghiên cứu được công bố tại các hội nghị trong nước (Hội nghị Khoa học và công nghệ tuổi trẻ các trường đào tạo Y-Dược Việt Nam lần thứ 17, Hội nghị khoa học Kỹ thuật lần thứ 23 tại Đại học Y dược Tp HCM) và ngoài nước (Hội nghị quốc tế ISPOR, 2014 tại Canada; Hội nghị quốc tế "Evidence-based medicine – the basis of modern healthcare" tại Khabarovsk, Liên Bang Nga, 2010). Nghiên cứu đạt giải Nhì tại Hội nghị Khoa học và công nghệ tuổi trẻ các trường đào tạo Y-Dược Việt Nam lần thứ 17 năm 2014 và đạt giải Ba tại Hội nghị Khoa học Công nghệ Tuổi trẻ lần thứ 23 tại Đại học Y dược Tp HCM năm 2014. Nghiên cứu được công bố trong các Tạp chí khoa học trong và ngoài nước sau đây:

1. **Nguyễn Thị Thu Thủy**, Nguyễn Văn Hà (2014). Đánh giá gánh nặng kinh tế bệnh ung thư vú tại Việt Nam. Tạp chí Y học TP HCM. Tập 18, Số 1, 319 – 323
2. Ягудина Р.И, Куликов А.Ю., **Нгуен Т.Т** (2009). Фармакоэкономический анализ российского стандарта лечения рака молочной железы. Фармакоэкономика. Современная фармакоэкономика и фармакоэпидемиология. Т.2, №4, С. 25-33.

Công trình 3: Nghiên cứu "Cập nhật dữ liệu nội bộ cho mô hình phân tích chi phí – hiệu quả của grazoprevir/elbasvir so với peg-interferon/ribavirin trong điều trị viêm gan C mạn tính trên quan điểm cơ quan bảo hiểm y tế" được thực hiện trong khoảng thời gian 12/2016 – 6/2017 trong bối cảnh cần thiết đánh giá tính chi phí – hiệu quả của thuốc kháng virus mới (grazoprevir/elbasvir) so với thuốc truyền thống đang sử dụng (peg-interferon/ribavirin) trong điều trị viêm gan siêu vi C mạn tính tại Việt Nam dựa trên mô hình nghiên cứu kinh tế dược được quốc tế công nhận. Nghiên cứu được thực hiện nhằm điều chỉnh các thông số đầu vào của mô hình phù hợp với các dữ liệu của hệ thống y tế Việt Nam trong bối cảnh chưa có nghiên cứu tương tự nào tại Việt Nam ở thời điểm nghiên cứu. Với sự hạn hẹp về thời gian nghiên cứu và về nguồn thông tin đầu vào, nghiên cứu đã thực hiện thu thập dữ liệu và tham vấn ý kiến chuyên gia lâm sàng tại 4 bệnh viện chuyên ngành bao gồm: bệnh viện Bệnh Nhiệt đới TP. Hồ Chí Minh, bệnh viện Nhiệt đới Trung ương, Trung tâm Hạt nhân và ung bướu – bệnh viện Bạch Mai, bệnh viện ung bướu TP Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đã điều chỉnh mô hình quốc tế cho phù hợp với bối cảnh điều trị tại Việt Nam; đã cập nhật được các thông số cần thiết cho mô hình; đã xây dựng được 12 mô hình ước lượng chi phí của 12 trạng thái trong mô hình và đã ước lượng được chi phí điều trị 3 tác dụng phụ điển hình dựa trên tham khảo ý kiến 10 chuyên gia đầu ngành. Các dữ liệu trong mô hình là cơ sở đánh giá tính chi phí – hiệu quả của thuốc mới trong điều trị viêm gan C mạn tính tại Việt Nam. Có thể nói đây là một trong những nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam góp phần cung cấp các bằng chứng khoa học và khách quan cho các nhà hoạch định chính sách lựa chọn phác đồ điều trị phù hợp và hiệu quả. Kết quả nghiên cứu đã được sử dụng để xem xét tính chi phí – hiệu quả của grazoprevir/elbasvir trong điều trị viêm gan C, cũng như xem xét tính khả thi khi đưa thuốc vào danh mục thuốc tân dược được bảo hiểm y tế thanh toán trong quá trình rà soát Thông tư 40/2014/TT-BYT. Kết quả nghiên cứu được nghiệm thu tại Hội đồng khoa học cấp cơ sở của Trung tâm khoa học công nghệ Dược Sài Gòn và xếp loại xuất sắc. Kết nghiên cứu công bố tại Hội nghị khoa học nước ngoài (Hội nghị châu Âu về kinh tế dược và nghiên cứu kết cục điều trị ISPOR lần thứ 20 tại Scotland vào tháng 11/2017 và Hội nghị Asean PharmNet lần thứ 2 tại Malaysia vào tháng 11/2017).

Công trình 4: Nghiên cứu đánh giá chi phí – hiệu quả của trastuzumab trong điều trị bổ trợ ung thư vú có HER2-dương tính

Nghiên cứu được thực hiện tại Nga giai đoạn 2008 – 2011 và tiếp tục thực hiện trên dữ liệu Việt Nam giai đoạn 2013 – 2014. Nghiên cứu đã xây dựng thành công mô hình đánh giá chi phí – hiệu quả, phân tích các thông số của mô hình từ đó đánh giá được tính chi phí – hiệu quả của trastuzumab. Kết quả nghiên cứu được sử dụng làm cơ sở xem xét tính khả thi khi đưa thuốc trastuzumab vào danh mục chi trả bảo hiểm y tế tại Liên Bang Nga năm 2010. Tại Việt Nam kết quả nghiên cứu cho thấy tại Việt Nam có chi phí – hiệu quả tương đối và vì vậy việc đồng chi trả với người bệnh cũng như xem xét đàm phán giá với nhà sản xuất là cần thiết. Kết quả nghiên cứu được sử dụng trong Họp hội đồng chuyên gia về góp ý cho danh mục thuốc tân dược thanh toán Bảo hiểm y tế theo Thông tư 40/2014/TT-BYT vào tháng 8/2017. Nghiên cứu được công bố tại Hội nghị quốc tế về kinh tế dược ISPOR lần thứ 16 tại CH Sec (2011); Hội nghị khoa học quốc tế về Kinh tế dược ISPOR tại lần thứ 19 tại Canada (2014) và công bố trong các Tạp chí khoa học trong và ngoài nước sau đây:

1. Куликов А.Ю., **Нгуен Т.Т** (2010). Фармакоэкономический анализ одногодичной адъювантной терапии трастузумабом при HER2-положительном раке молочной железы ранней стадии. Фармакоэкономика. Современная фармакоэкономика и фармакоэпидемиология. Т.3, №4, С. 28 – 34.
2. Nguyễn Thị Thu Cúc, Lương Thanh Long, **Nguyễn Thị Thu Thủy** (2015). Phân tích chi phí – hiệu quả của 1 năm bổ trợ trastuzumab trong điều trị ung thư vú có HER2-dương tính giai đoạn sớm tại Việt Nam. Tạp chí Y học TP HCM, chuyên đề Dược. Phụ bản tập 19, Số 3, 658 – 663.

Công trình 5: Sách Kinh tế dược trong thực hành lâm sàng với thông tin sau:

- Tác giả **Nguyễn Thị Thu Thủy**
- Nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm xuất bản: 2017
- Chỉ số ISBN: 978-604-73-5555-6.

Trong quyển sách này, các khái niệm cơ bản của kinh tế dược ứng dụng trong thực hành lâm sàng được giải thích và tổng hợp từ các tài liệu chuyên ngành, đồng thời tập hợp các công trình nghiên cứu mà tác giả, học viên, sinh viên cùng các nhà nghiên cứu khác đã dày công nghiên cứu trong 5 năm từ 2012 – 2017. Quyển sách này được xem là tài liệu tham khảo cho quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên, học viên và cán bộ y tế. Sách được chỉnh sửa nhiều lần và được đánh giá bởi đồng nghiệp và người học trước khi xuất bản, được thẩm định bởi Hội đồng khoa học Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh và được xác nhận mục đích sử dụng với chất lượng tốt. Sách được sử dụng làm tài liệu tham khảo về lý thuyết cũng như thực hành cho sinh viên, học viên tại các trường cao đẳng, đại học hoặc cho các cán bộ y tế trong bối cảnh có rất ít các ấn phẩm tiếng Việt liên quan đến lĩnh vực này được xuất bản.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- 2016: Bằng khen của Bộ Y tế về Giải Nhì cuộc thi "Giải pháp y tế cộng đồng" do Trung ương Hội Thầy thuốc Trẻ Việt Nam tổ chức
- 04/2014: Bằng khen của Trung ương Đoàn về Giải Nhì cho nghiên cứu khoa học đề tài « Phân tích gánh nặng kinh tế ung thư vú tại Việt Nam» tại Hội nghị Khoa học và Công nghệ tuổi trẻ các trường đại học, cao đẳng Y –Dược Việt Nam lần thứ XVII
- 01/2014: Giấy khen của Đại học Y dược Tp HCM về Giải Ba cho đề tài nghiên cứu khoa học «Phân tích gánh nặng kinh tế ung thư vú tại Việt Nam» tại Hội nghị Khoa học kỹ thuật lần thứ 23- Đại học Y dược TP HCM
- 12/2015: Giấy khen về giải thưởng «Best poster presentation» tại Hội nghị quốc tế ASEAN PHARMNET I tại Thái Lan
- 11/2015: Giấy khen về giải thưởng «Nhà giáo trẻ tiêu biểu» do Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Đại học Y dược TP HCM cấp
- 06/2007: Bằng khen và huân chương vàng của Học viện Y khoa Matxcova về thành tích học tập đại học xuất sắc
- Từ 2001 – 2007: Giấy khen của Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga về thành tích học tập đại học xuất sắc mỗi năm học

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, thời hạn hiệu lực): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Về tư tưởng, đạo đức, tác phong: TS Thủy luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thi hành nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật; không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lý luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm sự điều động, phân công của tổ chức; có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung. Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm và truyền thống đạo đức nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác. Thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành; công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học.

- Về chuyên môn: không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục. Tích cực nghiên cứu khoa học, biên soạn và cập nhật giáo trình, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.

Tôi tự đánh giá mình có đủ tiêu chuẩn của nhà giáo theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (năm 2009) và trong những năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ về đào tạo và nghiên cứu khoa học của một giảng viên đại học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng thời gian 07 năm 01 tháng

TT thâm niên	Khoảng thời gian	Hướng dẫn NCS/CKII		HD luận văn ThS	HD đồ án tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2012 - 2013				02	331,3	382	713,3
2	2013 – 2014				02	338,3	689,9	1.028,2
3	2014 – 2015	1 CKII			02	744	964,9	1.708,9
4	2015 – 2016	02 CKII			02	1.029,8	992	2.021,8
3 thâm niên cuối								
5	2016 – 2017	02 CKII		03	02	1.107,3	589,3	1.696,6
6	2017 – 2018	02 CKII		02	02	520,1	659,25	1.179,35
7	2018 – 2019	01 CKII		01	02	300	200	500

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Nga, Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑:

– Học ĐH ☑ ; Tại nước: Liên Bang Nga; Từ năm 2012 đến năm 2017

– Bảo vệ luận án ThS và luận án TS ☑; Tại nước: Liên Bang Nga; Từ 2008 đến năm 2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước □ : không có

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài □ : không có

d) Đối tượng khác □ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Bằng C tiếng Anh

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS/CKII và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng			Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng
		NCS	HV	CKII	Chính	Phụ			
1	Chế Quang Minh		✓		✓		2014 – 2016	Đại học Y dược Tp HCM	2016
2	Trịnh Huy Anh Dũng		✓		✓		2014 – 2016	Đại học Y dược Tp HCM	2016
3	Trần Thị Ánh Nguyệt		✓		✓		2014 – 2016	Đại học Y dược Tp HCM	2016
4	Hà Văn Sanh		✓		✓		2016 - 2018	Đại học Y dược Tp HCM	2018
5	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		✓		✓		2016 - 2018	Đại học Y dược Tp HCM	2018
6	Võ Thị Bích Liên			✓	✓		2013 - 2015	Đại học Y dược Tp HCM	2015
7	Thân Thị Thu Vân			✓	✓		2014 - 2016	Đại học Y dược Tp HCM	2016
8	Nguyễn Hữu Nghị			✓	✓		2014 - 2016	Đại học Y dược Tp HCM	2016
9	Lê Thanh Diệu Xuân			✓	✓		2015 - 2017	Đại học Y dược Tp HCM	2017
10	Tôn Văn Khánh			✓	✓		2015 - 2017	Đại học Y dược Tp HCM	2017
11	Phạm Thị Thùy Linh			✓	✓		2016 - 2018	Đại học Y dược Tp HCM	2018
12	Trương Anh Thư			✓	✓		2016 - 2018	Đại học Y dược Tp HCM	2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị TS: không có						
Sau khi bảo vệ học vị TS						
1	Kinh tế dược trong thực hành lâm sàng	Tham khảo	Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2017	1	Viết một mình	Giấy chứng nhận số 1419/GCN-ĐHYD của Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03/11/2017

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín thế giới sau khi được cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS): không có

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	So sánh hiệu quả kinh tế của erlotinib với phác đồ gemcitabine-carboplatin trong điều trị bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ có EGFR dương tính giai đoạn muộn từ góc nhìn cơ quan bảo hiểm y tế	CN	Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh	10/2015 – 10/2016	15/03/2017
2	Cập nhật dữ liệu nội bộ cho mô hình phân tích chi phí – hiệu quả của grazoprevir/elbasvir so với peg-interferon/ribavirin trong điều trị viêm gan C mạn tính trên quan điểm cơ quan bảo hiểm y tế	CN	Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh Trung tâm KHCN Dược Sài Gòn	2016 - 2017	15/07/2017
3	Phân tích hiệu quả kinh tế của golimumab trong điều trị viêm khớp dạng thấp tại Việt Nam	CN	Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh Trung tâm KHCN Dược Sài Gòn	2016 – 2017	30/08/2017
4	Phân tích hiệu quả kinh tế của ustekinumab trong điều trị vẩy nến thể mảng tại Việt Nam	CN	Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh Trung tâm KHCN Dược Sài Gòn	2016 – 2017	30/08/2017

5	Phân tích tối thiểu hóa chi phí và tác động ngân sách của rituximab tiêm dưới da so với tiêm truyền trong điều trị u lympho không Hodgkin	CN	Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh Trung tâm KHCN Dược Sài Gòn	2017 – 2018	28/12/2018

Các chữ viết tắt: CT: chương trình; ĐT: đề tài; CN: chủ nhiệm; PCN: phó chủ nhiệm; TK: thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án TS								
1	Обзор зарубежных фармакоэкономических исследований применения герцептина при лечении рака молочной железы	3	Фармакоэкономика Современная фармакоэкономика и фармакоэпидемиология (ISSN: 2070-4909)	(0,54)*		Vol.2 No.2	28-35	2009
2	Фармакоэкономический анализ российского стандарта лечения рака молочной железы	4	Фармакоэкономика Современная фармакоэкономика и фармакоэпидемиология (ISSN: 2070-4909)	(0,54)*		Vol.2 No.4	25-33	2009
3	Фармакоэкономический анализ одногодичной адъювантной терапии трастузумабом при HER2-положительном раке молочной железы ранней стадии	2	Фармакоэкономика Современная фармакоэкономика и фармакоэпидемиология (ISSN: 2070-4909)	(0,54)*		Vol.3 No.4	28-34	2010
4	Определение «порога готовности платить» в России, в Европейских странах и в странах СНГ	3	Фармакоэкономика Современная фармакоэкономика и фармакоэпидемиология (ISSN: 2070-4909)	(0,54)*		Vol.4 No.1	7-12	2011
5	Методология моделирования в фармакоэкономике	3	Фармакоэкономика Современная фармакоэкономика и фармакоэпидемиология (ISSN: 2070-4909)	(0,54)*		Vol.4 No.4	8-16	2011

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
6	Эффективность и безопасность трастузумаба в лечении HER2-положительного рака молочной железы	3	Фармация (ISSN: 0367-3014)	ISI (0,37)*		No.7	52-55	2011
7	Прогнозирование целесообразности применения эритропоэтина в неврологии.	5	Фармация (ISSN: 0367-3014)	ISI (0,37)*		No.7	28 - 30	2011
Sau khi bảo vệ luận án TS								
8	Economic burden of hepatitis B virus (HBV) infection in Vietnam by different treatment standards	2	Proceeding of the Eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				214 – 218	2013
9	Cost analysis of surgical therapy for hemorrhoids in Vietnam	4	Proceeding of the Eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				803 – 807	2013
10	Estimating the average treatment cost of outpatient with cardiocascular diseases	4	Proceeding of the Eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				808 – 811	2013
11	A systematic review of pharmacoeconomic evaluation of bevacizumab in treatment of non-small cell lung cancer	2	Proceeding of the Eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				812 - 816	2013
12	A systematic review of cost-effectiveness of trastuzumab in treatment of early-stage HER2-positive breast cancer.	2	Proceeding of the Eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				817 – 822	2013
13	An overview of pharmacoeconomic studies in the world	4	Proceeding of the Eighth Indochina Conference on				823 – 828	2013

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
			Pharmaceutical Sciences					
14	Economic burden of asthma : a systematic review	2	Proceeding of the Eighth Indochina Conference on Pharmaceutical Sciences				829 – 834	2013
15	Đánh giá gánh nặng kinh tế bệnh ung thư vú tại Việt Nam	2	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 18 số 1	319-323	2014
16	Gánh nặng kinh tế bệnh ung thư phổi không phải tế bào nhỏ tại Việt Nam	2	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 18 số 1	417-421	2014
17	Phân tích chi phí- hiệu quả của phác đồ phối hợp bevacizumab với FOLFOX so với FOLFOX trong điều trị ung thư đại trực tràng di căn tại Việt Nam	4	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 19 số 3	652-657	2015
18	Phân tích hệ thống các nghiên cứu đánh giá chi phí – hiệu quả của nilotinib so với imatinib trong điều trị bạch cầu mạn dòng tủy.	3	Tạp chí ung thư học Việt Nam			Số 5	70 – 75.	2015
19	Phân tích chi phí – hiệu quả của 1 năm bổ trợ trastuzumab trong điều trị ung thư vú có HER2 – dương tính giai đoạn sớm tại Việt Nam	3	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 19 Số 3	658-663	2015
20	Đánh giá gánh nặng kinh tế bệnh hen suyễn tại Việt Nam: góc nhìn từ cơ quan bảo hiểm y tế	2	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 19 Số 3	664-669	2015
21	Phân tích gánh nặng kinh tế bệnh ung thư cổ tử cung mới mắc tại Việt Nam: góc nhìn từ cơ	2	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 19 Số 3	670-676	2015

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
	quan bảo hiểm y tế							
22	Tổng quan các nghiên cứu đánh giá gánh nặng kinh tế ung thư đại trực tràng	3	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 19 Số 3	677-681	2015
23	Tổng quan các nghiên cứu đánh giá gánh nặng kinh tế ung thư cổ tử cung trên thế giới	2	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 19 Số 3	690-694	2015
24	Phân tích chi phí – hiệu quả của salmeterol/fluticasone so với formoterol/budesonide trong dự phòng hen phế quản	2	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 19 Số 3	695-700	2015
25	Phân tích chi phí – hiệu quả của phác đồ nilotinib so với imatinib liều cao trong điều trị bạch cầu mạn dòng tủy đề kháng với imatinib từ góc nhìn người bệnh	4	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 20 Số 2	11-17	2016
26	Phân tích gánh nặng kinh tế bệnh ung thư đại trực tràng từ góc nhìn cơ quan bảo hiểm y tế	3	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 20 Số 2	18-23	2016
27	Phân tích chi phí – hiệu quả của bevacizumab phối hợp với carboplatin/paclitaxel so với paclitaxel/carboplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn tại Việt Nam	3	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 20 Số 2	24-30	2016
28	Phân tích dự báo doanh thu của cơ sở bán lẻ thuốc: nghiên cứu tại nhà thuốc Bình An S-K-V	4	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 20 Số 2	44-49	2016

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
29	Phân tích chi phí – hiệu quả của erlotinib so với gemcitabine/carboplatin trong điều trị bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ có đột biến EGFR giai đoạn tiến xa tại Việt Nam từ góc nhìn cơ quan bảo hiểm y tế	3	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 20 Số 2	50-55	2016
30	Phân tích chi phí điều trị bạch cầu mãn dòng tủy dưới góc nhìn của người bệnh	4	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 20 Số 2	56-63	2016
31	Đánh giá mức độ stress, lo âu, trầm cảm của sinh viên chính quy khoa Dược – đại học Y Dược TPHCM	4	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 20 Số 2	217-225	2016
32	Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi sử dụng kháng sinh của khách hàng nhà thuốc tại các quận nội thành Thành phố Hồ Chí Minh	2	Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			Tập 1 Số 489	6 - 11	2017
33	So sánh hiệu quả lâm sàng của phác đồ phối hợp ivabradin và β-blocker so với β-blocker trong điều trị suy tim bằng phương pháp phân tích gộp	2	Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			Tập 1 Số 489	16 – 21	2017
34	Xây dựng thang đo giá trị thương hiệu chuỗi nhà thuốc: Nghiên cứu tại hệ thống chuỗi nhà thuốc Pharmacity, Thành phố Hồ Chí Minh	2	Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			Tập 2 Số 490	4 - 8	2017
35	Phân tích gộp hiệu quả lâm sàng của ticagrelor và clopidogrel trong điều	2	Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			Tập 2 Số 490	13-17	2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
	trị hội chứng mạch vành cấp							
36	Phân tích chi phí điều trị nhồi máu cơ tim tại Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh	3	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 21 Số 1	301 – 305.	2017
37	Chi phí điều trị tăng huyết áp: nghiên cứu tại bệnh viện đa khoa khu vực Trần Văn Thời	4	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 21 Số 1	306 – 312	2017
38	Phân tích chi phí - hiệu quả của ticagrelor so với clopidogrel trong điều trị hội chứng mạch vành cấp: nghiên cứu theo quan điểm cơ quan bảo hiểm y tế Việt Nam	4	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 21 Số 1	313 – 320	2017
39	Đo lường giá trị thương hiệu chuỗi nhà thuốc Pharmacity	3	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 21 Số 1	321 – 328	2017
40	Chất lượng sống trên người bệnh tim mạch điều trị ngoại trú: nghiên cứu tại Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh	2	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 21 Số 1	329 – 334	2017
41	Xây dựng thang đo đánh giá các đặc điểm của nhà thuốc ảnh hưởng đến sự lựa chọn của khách hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	4	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 21 Số 1	335 – 341.	2017
42	Đánh giá kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người bán lẻ thuốc tại các nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	3	Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			Tập 4 Số 492	2 - 5	2017
43	Chất lượng sống người bệnh ung thư bạch cầu	2	Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 459 Số 1	139 – 143	2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
	mãn dòng tủy: nghiên cứu tại bệnh viện truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh		(ISSN: 1859-1868)					
44	Phân tích chi phí – hiệu quả lâu dài của ticagrelor so với clopidogrel trong điều trị hội chứng vành cấp: kết quả sơ bộ từ nghiên cứu PLATO và dữ liệu tại Việt Nam	4	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 459 Số 1	211 – 215	2017
45	Khảo sát chi phí thanh toán bảo hiểm y tế nội trú tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2015	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 459 Số 1	279 – 283	2017
46	Khảo sát thực trạng cân đối thu chi bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2015.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 460 Số 1	161 - 165	2017
47	Phân tích chi phí thanh toán bảo hiểm y tế nội trú tại bệnh viện 30.4 - Bộ Công An năm 2016	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 460 Số 1	174 - 178	2017
48	Xây dựng thang đo đánh giá chất lượng cuộc sống nơi làm việc: nghiên cứu tại bệnh viện quận 6	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 460 Số 1	190 - 195	2017
49	So sánh chi phí - hiệu quả của nilotinib so với imatinib trong điều trị bước một bạch cầu mạn dòng tủy góc nhìn từ các nghiên cứu công bố	3	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 460 Số 1	203 - 206	2017
50	Đánh giá thế mạnh cạnh tranh các thương hiệu chuỗi nhà thuốc trên địa bàn thành phố Hồ Chí	4	Tạp chí Y dược thành phố Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1779)			Tập 22 Số 1	248 – 260.	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
	Minh.							
51	Phân tích chi phí điều trị bệnh vảy nến theo quan điểm người chi trả tại bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868),			Tập 472 Số 1	69 – 74.	2018
52	Phân tích hiệu quả kinh tế của dự án pha chế tập trung thuốc ung thư theo liều cá thể tại bệnh viện Chợ Rẫy giai đoạn 2013 -2015.	4	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 474 Số 2	160-165	2019
53	Ước tính chi phí điều trị bệnh bạch cầu mạn dòng tủy từ góc nhìn của các nghiên cứu trên thế giới.	4	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 475 Số 1&2	146 - 151	2019
54	Hệ thống hóa chất lượng sống bệnh nhân bạch cầu mạn dòng tủy điều trị với thuốc ức chế tyrosine kinase.	4	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 475 Số 1&2	159-164.	2019
55	Optimal analysis of the supply of some cancer drugs preparation by dosage at ChoRay Hospital.	4	Journal of Military Pharmaco-medicine (ISN 1859-0748),			Vol 43 No 8	109 - 117	2019
56	Phân tích chi phí điều trị nội trú bệnh Hemophilia A tại bệnh viện Nhi Đồng 1.	2	Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			Số 517	trang 22 – 26.	2019
57	Khảo sát chi phí thanh toán bảo hiểm y tế ngoại trú tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2015.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868),			Tập 476 Số 1&2	151-155.	2019
58	Immunization in Vietnam.	5	Ann Ig.	Scopus (0,32)		Tập 31	291-305	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
59	Phân tích các đặc điểm của người lao động liên quan đến chất lượng cuộc sống công việc: nghiên cứu tại bệnh viện quận 6.	4	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 478 Số 2	179 - 184	2019
60	Chi phí thanh toán bảo hiểm y tế ngoại trú năm 2016: nghiên cứu tại bệnh viện 30.4 – Bộ Công an.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 478 Số 2	188 - 191	2019
61	Chất lượng cuộc sống công việc của nhân viên bệnh viện Quận 6.	4	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868),			Tập 478 Số 2	196 - 202	2019
62	Khảo sát đặc điểm và hành vi mua thuốc của khách hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868),			Tập 479 Số 1	155-158	2019
63	Chi phí điều trị gãy phức hợp gò má theo quan điểm người chi trả tại bệnh viện Răng Hàm Mặt trung ương Thành phố Hồ Chí Minh.	3	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 479 Số 1	177 - 182	2019
64	Ảnh hưởng của bệnh phong lên chất lượng sống người bệnh: nghiên cứu tại khu điều trị bệnh phong Bến Sắn tỉnh Bình Dương.	3	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 479 Số 1	201 - 205	2019
65	Phân tích ngưỡng chi trả cho một năm sống có chất lượng của người bệnh u lympho không hodgkin tại một số Bệnh viện thành phố Hồ Chí Minh.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 479 Số 2	64-69.	2019
66	Phân tích đặc điểm bệnh nhân của người bệnh u lympho không hodgkin	6	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 479 Số 2	198-202	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
	tại một số bệnh viện Việt Nam							
67	Phân tích chi phí điều trị viêm ruột thừa tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 479 Số 2	212-216	2019
68	Phân tích chi phí - hiệu quả của thuốc yếu tố VIII cô đặc so với kết tủa lạnh trong điều trị Hemophilia A.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 480 Số 1&2	21-25	2019
69	Phân tích các đặc điểm của nhà thuốc ảnh hưởng đến sự lựa chọn của khách hàng tại thành phố Hồ Chí Minh.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 480 Số 1&2	40-44	2019
70	Phân tích chi phí trực tiếp ngoài y tế và gián tiếp của người bệnh U lymphoma không Hodgkin tại một số bệnh viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	2	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 480 Số 1&2	60-65	2019
71	Khảo sát sự ưa thích hơn của người bệnh U lympho không Hodgkin đối với thuốc tiêm truyền và tiêm dưới da tại một số bệnh viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	6	Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 480 Số 1&2	77-81	2019
72	Cost - effectiveness of biological drugs for the treatment of moderate-tosevere plaque psoriasis: a systematic review.	3	Revenue Medicale (ISSN: 1859 – 1892)			Vol.1	112 – 122.	2019
73	Treatment cost of hepatitis C by different regimens in Vietnam: An analysis based on	3	Revenue Medicale (ISSN: 1859 – 1892)			Vol.1	123 – 133.	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (IF)	Số trích dẫn bài báo	Tập/ Số	Trang	Năm công bố
	treatment guidelines.							
74	Analysing the brand strength of drugstore chains in Ho Chi Minh City - using average brand strength index.	2	Revenue Medicale (ISSN: 1859 – 1892)			Vol.1	134 – 140.	2019
75	Cost – effectiveness analysis of vildagliptin versus sulfonylurea associated with metformin in the second-line pharmacotherapy of type 2 diabetes mellitus: A systematic review.	5	Biological Forum – An international journal (ISSN Print: 0975-1130, Online : 2249-3239)	ISI (0,32)#		Vol. 11 No 2		2019
76	Health-related quality of life in children with Hemophilia A: A single center study from Vietnam	3	Biological Forum – An international journal (ISSN Print: 0975-1130, Online : 2249-3239)	ISI (0,32)#		Vol. 11 No 2		2019
77	Costs of type 2 diabetes mellitus from payers' perspective: a study from real-world evidence of district hospital in Vietnam	5	Фармация (Farmatsia-Moscow)	ISI (0,37)*				2019
78	Quality of life of patients with psoriasis based on EQ-5D-5L questionnaire: an analysis at specialized hospital in Vietnam.	4	Фармация (Farmatsia-Moscow)	ISI (0,37)*				2019

Ghi chú: * Impact factor của tạp chí trong hệ thống trích dẫn khoa học Liên Bang Nga (Russian index of science citation); # Global Impact factor

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi bảo vệ TS:

1. C.T.T. Nguyen, I. Grappasonni, S. Scuri, B.T. Nguyen, **T.T.T. Nguyen**, F. Petrelli (2019). Immunization in Vietnam. Ann Ig. 31:291-305
2. **Nguyen Thi Thu Thuy**, Pham Thi Thuy Linh, Nguyen Chau Ai, Nguyen Tran Trung, Nguyen Minh Quan (2019). Cost – effectiveness analysis of vildagliptin versus sulfonylurea associated with metformin in the second-line pharmacotherapy of type 2 diabetes mellitus: A systematic review. Biological Forum – An international journal Vol 11(2). (Acceptance letter)

3. **Nguyen Thi Thu Thuy**, Mai Le Huyen, Truong Anh Thu (2019) "Health-related quality of life in children with hemophilia A: A single center study from Vietnam. Biological forum. Biological Forum – An international journal. Vol 11(2). (Acceptance letter)
4. **Nguyen Thi Thu Thuy**, Nguyen Tran Trung, Pham Thi Thuy Linh, Le Quan Nghiem, Nguyen Minh Quan (2019). Costs of type 2 diabetes mellitus from payers' perspective: a study from real-world evidence of district hospital in Vietnam. Farmatsia-Moscow (Acceptance letter)
5. **Nguyen Thi Thu Thuy**, Dinh Hoang Yen, Pho Nghia Van, Nguyen Trong Hao (2019). Quality of life of patients with psoriasis based on EQ-5D-5L questionnaire: an analysis at specialized hospital in Vietnam. Farmatsia-Moscow (Acceptance letter)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,..):

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải Nhì cuộc thi "Giải pháp sáng tạo y tế cộng đồng" năm 2016	Bộ Y tế	Số 3941/QĐ-BYT ngày 27/07/2016	4
2	Giải Nhì cho nghiên cứu khoa học đề tài « Phân tích gánh nặng kinh tế ung thư vú tại Việt Nam» tại Hội nghị Khoa học và Công nghệ tuổi trẻ các trường đại học, cao đẳng Y –Dược Việt Nam lần thứ XVII	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Số 217-QĐ/TWĐTN ngày 16/05/2014	2

- Trong đó giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi cấp bằng TS:

1. Giải Nhì cuộc thi "Giải pháp sáng tạo y tế cộng đồng" năm 2016 theo Quyết định Số 3941/QĐ-BYT ngày 27/07/2016 của Bộ Y tế
2. Giải Nhì cho nghiên cứu khoa học đề tài « Phân tích gánh nặng kinh tế ung thư vú tại Việt Nam» tại Hội nghị Khoa học và Công nghệ tuổi trẻ các trường đại học, cao đẳng Y –Dược Việt Nam lần thứ XVII theo Quyết định Số 217-QĐ/TWĐTN ngày 16/05/2014 của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

- Tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo hệ tín chỉ đại học chính quy tại Khoa Dược – Đại học Y dược TP HCM

- Tham gia xây dựng, và phát triển chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Tổ chức Quản lý dược tại Khoa Dược – Đại học Y dược TP HCM

- Tham gia tổ đổi mới chương trình đào tạo của Khoa Dược – Đại học Y dược TP HCM

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: không có

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP HCM, ngày ..25.. tháng ..06.. năm 2019

Người đăng ký

Nguyễn Thị Thu Thủy

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

– Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai;

– Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

TP HCM, ngày..28..tháng ..07..năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Trần Diệp Tuấn